



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=== o0o ===

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 209/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP

Địa chỉ: Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Tel: 0392.686.659 fax:

MST: 1001277165

Số TK: 6322689999 tại Ngân hàng MB Bank PGD Hưng Hà, chi nhánh Thái Bình

Do Bà: Đoàn Thị Thúy Hằng - Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
VPGD: LK 18+19, Lô 7A, KĐT Himlam Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Tel: 0934 604 398

MST: 0108 654 054

Số TK: 111.222.666.888 - Tại: ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội - PGD Hà Đông

Số TK: 4506.352.666 - tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN. Hà Đông


Do Bà: Trần Ngọc Mai - Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

Code	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
I	THỬ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN						
ME.0011	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiện thị điện tử bằng màn hình LCD) - Hãng sản xuất: Senxin - Model: WA-1000 Phù hợp tiêu chuẩn thí nghiệm: SO6892, BS4449, ASTM C39, ISO75001, ASTM A370, ASTM E4, ASTM E8 and BSEN standards và TCVN Thiết bị được điều khiển thông qua bộ điều khiển trung thông qua màn hình LCD, được lập trình thử nghiệm thông qua phần mềm chuyên dụng.	TQ	1	ch	163.000.000	10	179.300.000

<p>Phần mềm này cung cấp thu thập dữ liệu và quản lý các kết quả thí nghiệm kéo, nén, uốn các loại vật liệu, chức năng quản lý cơ sở dữ liệu, cung cấp khả năng lưu trữ dữ liệu một cách dễ dàng.</p> <p>Các kết quả thu được bao gồm tất cả các thông tin mô tả chi tiết quá trình thí nghiệm.</p> <p>Phần mềm cho phép tự động lưu trữ kết quả khi kết thúc quá trình thí nghiệm.</p>							
<p>Thông tin kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tải tối đa: 1000KN - Độ chính xác: $\pm 1\%$ - Khoảng cách kéo max: 700mm - Khoảng cách nén max: 600mm - Độ dày mẫu lá dẹt: 0-40mm - Đường kính mẫu tròn: $\phi 14-\phi 45\text{mm}$ - Khoảng cách thử uốn Max giữa 2 gối uốn: 300mm - Đường kính tâm nén: $\phi 225\text{mm}$ - Loại khung 6 cọc, van điều khiển định từ thủy lực - Công suất: 1.1Kw - Kích thước máy: 900x700x2250mm - Kích thước bộ điều khiển: 550x500x1250mm - Trọng lượng: 2900kg 							
<p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính khung chịu tải chính cường độ cao 1000kN, có lồng thép an toàn khi thử nghiệm + Bộ tủ nguồn điều khiển thủy lực trung tâm kèm màn hình LCD kèm phần mềm điều khiển hoạt động của máy chính và báo cáo kết quả, giao diện hoạt động bằng tiếng Anh được tích hợp sẵn trong bộ điều khiển. + Hệ thống điều khiển thốt nén, điều khiển ngàm kẹp bằng phím bấm nhanh tiện dụng khi sử dụng thí nghiệm. + 03 bộ má kẹp thép gồm: <ul style="list-style-type: none"> 01 bộ má kẹp thép tròn: 13-26mm 01 bộ má kẹp thép tròn: 26-40mm 01 bộ má kẹp thép dẹt: 0-40mm + Bộ gối uốn trượt đa năng và đầu dao uốn thép tiêu chuẩn D50mm; + Hệ thống tủ ô thủy lực, các dây kết nối nguồn và máy tính. + Catalogue, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh 							

ME.0016	Bộ gô ỉ uốn thép dùng cho máy kéo thép vạ nặg: Phù hợp với TCVN/ISO bao gồm 21 cỡ tiêu chuẩn: Bao gồm các cỡ gô ỉ: D30; D32; D36; D40; D42; D48; D50; D56; D60; D64; D70; D72; D80; D84; D96; D108; D120; D132; D150; D168; D192mm, bộ gá trên cho các gô ỉ, thùng gô ỉ	VN	1	Bộ	8.000.000	10	8.800.000
ME.0017	Bộ gá kéo bu lông (13 cỡ) dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép đường kính từ bulong M6-M32: Cung cấp bao gồm các đầu kéo thay thế cho bulong: M6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 25; 28; 30; 32mm, bộ gá trên, dưới, thùng gô ỉ	VN	1	bộ	7.600.000	10	8.360.000
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG						0
ME.0058	Máy nén bê tông 2000KN (Bản cao cấp, kiểu dáng LUDA) Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: Senxin Máy dùng để nén, uốn, bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác. Hoạt động bằng động cơ điện, tự động lưu giữ giá trị nén Max khi phá hủy mẫu, có thể cài đặt các mẫu nén cơ bản theo tiêu chuẩn và các mẫu nén tự do, tự động tính toán mác vật liệu khi kết thúc nén, in kết quả bằng máy in nhiệt Graphic Điều chỉnh khoảng cách nén bằng trục ren chịu lực cường độ cao Khả năng nén Max: 2000KN Sai số: ±1% Áp suất dầu lớn nhất: 45MPa Khoảng cách lớn nhất 2 tấm nén: 365mm Kích thước tấm nén: 240x240mm Hành trình piston: 50mm Đường kính piston: 250mm Tốc độ đi lên lớn nhất của piston: 50mm/min Tốc độ hồi của piston: 20mm/min Nguồn điện: 220V, 50Hz; 0,75Kw	TQ	1	ch	45.000.000	10	49.500.000
ME.0075	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	VN	12	ch	85.000	8	1.101.600
ME.0090	Bột capping mẫu bê tông trụ S350 (25kg/1 bao) Dùng bịt đầu mẫu trụ khi nén thí nghiệm, đảm bảo lực nén được tiếp xúc đều trên bề mặt mẫu	VN	1	bao	1.350.000	10	1.485.000

S. / S.
 TY
 H
 NG
 HIỆ
 DIN
 P
 H
 G V
 HIỆM
 INH
 S
 H
 BI

ME.0097	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX Côn chuẩn D100 x D200 x H300 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, tấm đế thép 500x500x2,5mm (có 1 tai xách), thanh đầm, ca xúc mẫu tròn, thước là 500mm	VN	1	bộ	800.000	10	880.000
ME.0099	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ D150	VN	1	bộ	2.000.000	10	2.200.000
III	THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA						
ME.0165	Dụng cụ Vica Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông kết, thời gian kết thúc đông kết của xi măng Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.	TQ	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
ME.0173	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	1	bộ	1.500.000	10	1.650.000
ME.0179	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	TQ	3	bộ	120.000	8	388.800
ME.0184	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679 Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi	VN	15	túi	35.000	10	577.500
ME.0190	Khuôn Le Chatelier	TQ	6	ch	70.000	10	462.000
ME.0191	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	TQ	1	ch	150.000	8	162.000
V	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎI)						
ME.0255	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	1	bộ	1.000.000	10	1.100.000
ME.0257	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	1	bộ	600.000	10	660.000
ME.0258	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1	ch	1.100.000	10	1.210.000
ME.0259	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	1	ch	550.000	10	605.000
ME.0260	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	200.000	10	220.000
ME.0261	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	300.000	10	330.000
ME.0263	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	400.000	10	440.000
ME.0264	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	500.000	10	550.000
ME.0267	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	1.000.000	10	1.100.000
ME.0268	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	800.000	10	880.000
ME.0269	Bảng màu chuẩn	VN	1	ch	50.000	10	55.000
ME.0271	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	VN	1	bộ	200.000	10	220.000
ME.0283	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	1	ch	550.000	10	605.000
ME.0284	Bộ dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát	VN	1	bộ	550.000	10	605.000
ME.0285	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	VN	1	bộ	1.500.000	10	1.650.000

	Bộ sàng D300 lỗ vuông bao gồm các cỡ từ 0,071 - 90mm	TQ	20	ch	210.000	10	4.620.000
VI	THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐỊA CHẤT						0
ME.0453	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực) Model: CBR -2 Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải: 1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.	TQ	1	ch	22.000.000	10	24.200.000
ME.0462	Khuôn CBR tiêu chuẩn mặt cầu vòng. Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trung nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	3	bộ	1.500.000	10	4.950.000
ME.0470	Đĩa phân cách tiêu chuẩn.	VN	1	ch	300.000	10	330.000
ME.0475	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 3 cốc ảm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	1.000.000	10	1.100.000
ME.0477	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	1	ch	2.000.000	10	2.200.000
ME.0482	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	1	ch	600.000	10	660.000
ME.0483	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	1	ch	600.000	10	660.000
ME.0484	Cối Proctor cải tiến	VN	1	ch	800.000	10	880.000
ME.0485	Chày Proctor cải tiến	VN	1	ch	800.000	10	880.000
10	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG						0
ME.0700	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép D340mm, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giá đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ so 10x0,01mm	VN	1	bộ	5.500.000	10	6.050.000
ME.0710	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao	VN	1	bộ	1.600.000	10	1.760.000
ME.0719	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	VN	1	bộ	800.000	10	880.000
ME.0722	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt, 0,3-0,6mm (50kg)	VN	50	kg	12.000	10	660.000
ME.0723	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	TQ	1	ch	1.300.000	10	1.430.000

ME.0724	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đong tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	1	bộ	500.000	10	550.000
11	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM DÙNG CHUNG						0
ME.0932	Tủ sấy 300 ⁰ C chỉ thị điện tử Model: 101-1A Dung tích: 71 lít Nhiệt độ: cài đặt tùy ý từ nhiệt độ môi trường đến 299 độC Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử	TQ	1	ch	6.200.000	10	6.820.000
ME.0954	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g (Labex-Anh) Model: HC-B50002 - Màn hình hiển thị màu LCD, rộng, thuận tiện cài đặt và sử dụng - Hộp chắn gió bảo vệ - Bảo vệ chống quá tải Thông số kỹ thuật: - Khả năng cân Max: 5000g - Độ chính xác: 0,01g - Độ lặp lại: 0.01g - Kích thước đĩa cân: Ø130mm - Kích thước cân: 34x26.5x24cm - Adapter: DC12V/AC6V	TQ	1	ch	4.800.000	10	5.280.000
ME.0958	Cân điện tử ALC 15kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 15kg ± 0.5g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD. Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	2.200.000	10	2.420.000
ME.0959	Cân điện tử ALC 6kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 6kg ± 0.2g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tồn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	2.200.000	10	2.420.000



ME.0960	Cân điện tử ALC 30kg (Shinko - Nhật) Khả năng cân: 30kg ± 1g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tồn, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	2.200.000	10	2.420.000
ME.0974	Rọ cân thủy tinh 200x200	VN	1	ch	300.000	10	330.000
ME.0985	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	1	ch	150.000	8	162.000
ME.0986	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	1	ch	250.000	8	270.000
ME.0989	Bình tam giác 100ml	TQ	1	ch	50.000	8	54.000
ME.0990	Bình tam giác 250ml	TQ	1	ch	62.000	8	66.960
ME.0991	Bình tam giác 500ml	TQ	1	ch	150.000	8	162.000
ME.0992	Bình tam giác 1000ml	TQ	1	ch	155.000	8	167.400
ME.1000	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	1	ch	40.000	8	43.200
ME.1001	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	1	ch	50.000	8	54.000
ME.1002	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	1	ch	80.000	8	86.400
ME.1003	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	1	ch	130.000	8	140.400
ME.1004	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	1	ch	150.000	8	162.000
ME.1017	Hộp nhôm D55x35	TQ	10	ch	35.000	10	385.000
ME.1018	Hộp nhôm D80x52	TQ	10	ch	45.000	10	495.000
ME.1021	Khay chứa mẫu 300x220x50mm	VN	5	ch	35.000	10	192.500
ME.1021. 1	Khay chứa mẫu 200x100x50mm	VN	5	ch	35.000	10	192.500
ME.1022	Khay chứa mẫu 550x550x50mm	VN	5	ch	150.000	10	825.000
ME.1023	Nhiệt kế điện tử Model: TP101 Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	TQ	1	ch	350.000	10	385.000
ME.1029	Nhiệt kế thủy tinh 100C	TQ	1	ch	40.000	8	43.200
ME.1035	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	TQ	1	ch	600.000	8	648.000
ME.1036	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	TQ	1	ch	600.000	8	648.000
	Chi phí vận chuyển, lắp đặt thiết bị, hướng dẫn chuyển giao công nghệ thiết bị tại Thái binh, chi phí cấp giấy và tem hiệu chuẩn 10 thiết bị		1	lô	9.000.000	10	9.900.000
	Tổng cộng:						353.439.460

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

353.439.460 VNĐ

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng/.

Giá trên là giá đã bao gồm:

- Thuế VAT.
- Chi phí cấp giấy và tem hiệu chuẩn thiết bị
- Phí vận chuyển, lắp đặt và chuyển giao công nghệ thiết bị tại Phòng thí nghiệm.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại Cơ quan bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng từ 10 đến 30 ngày kể từ ngày đặt hàng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: tại Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam bằng chuyển khoản tại các thời điểm như sau:

- + Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 80% giá trị Hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.
- + Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị còn lại sau khi lắp đặt, vận hành, chạy thử thiết bị tại phòng thí nghiệm bên mua.

Điều 6: Các điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà Nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà Nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý sau khi Bên A thanh toán hết tiền cho Bên B, Bên B bàn giao toàn bộ thiết bị cho Bên A mà không có bất cứ phát sinh nào khác. Hàng hoá được hiểu là thuộc quyền sử hữu và định đoạt của Bên B cho đến thời điểm Bên A thanh toán hết số tiền theo Hợp đồng.

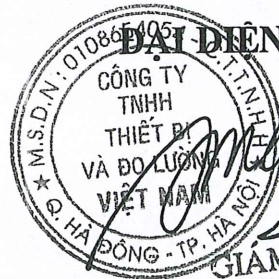
Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thuý Hằng

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Lorần Ngọc Mai

2.1.2